

Bản án số: 57/2024/HN-ST

Ngày: 23 - 8 - 2024

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Châm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Lộc

Bà Nguyễn Thị Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

**- Đại diện Viện kiểm sát huyện Long Điền tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 161/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST–HN ngày tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-HN ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1990; Địa chỉ: C L khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**Bị đơn:** Ông Lâm Chí T, sinh năm 1986; Địa chỉ: C L khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2024, Bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà và ông Lâm Chí T tự nguyện tìm hiểu khoảng 1 năm, thấy phù hợp nên đã chung sống, tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn được UBND phường P, thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/11/2019. Hai người chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng đã không còn. Từ cuối năm 2019, khi bà mang thai và về nhà mẹ đẻ sinh con thì tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, ông T đã gần như không còn sự quan tâm, chăm sóc gì đối với bà. Năm 2020 sau khi bà về lại Long Điền sinh sống quan hệ giữa hai người vẫn không tốt hơn, vợ chồng không có sự chia sẻ, gần gũi cả về tinh thần và thể xác. Bà đã nhiều lần nói chuyện với ông T với mục đích mong quan hệ vợ chồng tốt hơn nhưng ông T không thay

đôi. Từ khoảng tháng 5/2024 tới nay, do nhận thấy hôn nhân giữa bà và ông **Trung thực s** không mang lại hạnh phúc nên bà quyết định ly hôn và mang con về thành phố **H** sinh sống. Do đó, bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà ly hôn ông **Lâm Chí T**.

Về con chung: Bà và ông **T** có 01 con chung là **Lâm Bảo T1**, sinh ngày 03/01/2020. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **T1**. Trong đơn khởi kiện bà yêu cầu ông **Trung cấp d** nuôi con 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/ 1 tháng. Sau đó, bà xác định không yêu cầu ông **Trung cấp d** nuôi con mà để ông **T** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Đối với bị đơn ông **Lâm Chí T***: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

*Tại phiên tòa:*

Bà **Nguyễn Thị D** vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu ý kiến*: Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà **Nguyễn Thị D** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Lâm Chí T** cư trú tại **L**, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông **Lâm Chí T**, tuy nhiên ông **T** vắng mặt không có lý do; bà **Nguyễn Thị D** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông **T** và bà **D**.

[2]. Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Lâm Chí T** đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không gửi văn bản nêu ý kiến hoặc phản đối trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình được pháp luật quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có ý thức không quan tâm và bỏ mặc hậu quả pháp lý có thể xảy ra, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[2.1]. Xét về yêu cầu ly hôn:

Bà Nguyễn Thị D và ông Lâm Chí T chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/11/2019 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương nơi bà D và ông T sinh sống trước đây thì được cung cấp thông tin: “Do bà D và ông T không trình báo nên địa phương không biết được về tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông T và bà D”.

Khoản 1, khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Trong quá trình tố tụng, bà D xác định đã không còn tình nghĩa vợ chồng với ông T, cả hai người không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, vợ chồng đã không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, đã ly thân khoảng 04 tháng nay. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 19; Điều 21; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của bà D với ông T là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2]. Xét về con chung:

Bà D và ông T có 01 con chung là Lâm Bảo T1 sinh ngày 03/01/2020. Cháu T1 còn nhỏ, là con gái và được bà D nuôi dưỡng chăm sóc từ nhỏ. Ông T không có ý kiến phản đối với mong muốn bà D về việc được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1 cũng như không thể hiện nguyện vọng về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với bà D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà D về việc giao cho ông Trung trực t nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Phạm Lê B theo quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Ông T được quyền thăm nuôi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[ 3]. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 19; Điều 21; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D ly hôn ông Lâm Chí T.

2. Về con chung: Ông Lâm Chí T và bà Nguyễn Thị D có 01 con chung là Lâm Bảo T1 sinh ngày 03/01/2020. Bà D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu T1. Ông T được quyền thăm nuôi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004537 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Điền. Bà D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D, ông Lâm Chí T vắng mặt tại phiên tòa nên thời gian kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền;
- Thi hành án dân sự huyện Long Điền;
- Ủy ban nhân dân phường Phú Hậu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Châm**

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 19; Điều 21; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D ly hôn ông Lâm Chí T.

2. Về con chung: Ông Lâm Chí T và bà Nguyễn Thị D có 01 con chung là Phạm Lê B sinh ngày 05/11/2009. Giao cho ông Trung trực t nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Phạm Lê B.

Bà D được quyền thăm nuôi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004550 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Điền. Bà D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D, ông Lâm Chí T vắng mặt tại phiên tòa nên thời gian kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định của pháp luật.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thủy Nguyễn Bá L**

**Đinh Thị Châm**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Di Huỳnh M**

**Phạm Thị B1**

